

**THÔNG BÁO**  
**Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2023**

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1766/QĐ-HCQG ngày 29/5/2023 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Hành chính Quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 933/KH-HCQG ngày 30/5/2023 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia về tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2023.

Học viện Hành chính Quốc gia thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2023 với 840 chỉ tiêu, dự kiến như sau:

**1. Ngành và chỉ tiêu tuyển sinh:**

| TT | Ngành                             | Mã số      | Chương trình đào tạo  | Chỉ tiêu |
|----|-----------------------------------|------------|-----------------------|----------|
| 1. | Quản lý công                      | 8 34 04 03 | Định hướng nghiên cứu | 50       |
|    |                                   |            | Định hướng ứng dụng   | 450      |
| 2. | Luật hiến pháp và luật hành chính | 8 38 01 02 | Định hướng nghiên cứu | 20       |
|    |                                   |            | Định hướng ứng dụng   | 150      |
| 3. | Chính sách công                   | 8 34 04 02 | Định hướng ứng dụng   | 30       |
| 4. | Quản lý kinh tế                   | 8 31 01 10 | Định hướng ứng dụng   | 60       |
| 5. | Tài chính - Ngân hàng             | 8 34 02 01 | Định hướng ứng dụng   | 30       |
| 6. | Quản lý văn hóa                   | 8 22 90 42 | Định hướng ứng dụng   | 30       |
| 7. | Lưu trữ học                       | 8 32 03 03 | Định hướng ứng dụng   | 20       |

Ghi chú: Chỉ tiêu của từng ngành tuyển sinh có thể được điều chỉnh theo số lượng thí sinh đăng ký dự tuyển.

**2. Hình thức và thời gian đào tạo**

2.1. Hình thức đào tạo: Chính quy và vừa làm vừa học, cụ thể:

- Đào tạo định hướng nghiên cứu: Hình thức đào tạo chính quy, học trong giờ hành chính từ thứ Hai đến thứ Sáu;

- Đào tạo định hướng ứng dụng: Hình thức đào tạo vừa làm vừa học, học trong giờ và ngoài giờ hành chính.

## 2.2. Thời gian đào tạo:

- Hình thức đào tạo chính quy: 18 tháng;
- Hình thức đào tạo vừa làm vừa học: 24 tháng.

## 3. Phương thức và kế hoạch tuyển sinh

### 3.1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

### 3.2. Kế hoạch tuyển sinh dự kiến như sau:

- Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển: Từ ngày 09/6/2023 đến ngày 31/8/2023;
- Xét tuyển: Từ ngày 11/9/2023 đến ngày 14/9/2023;
- Dự kiến nhập học và khai giảng: 06/10/2023.

## 4. Đối tượng và điều kiện đăng ký dự tuyển

Đối tượng đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện Hành chính Quốc gia là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được các điều kiện sau:

### 4.1. Về văn bằng đại học

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

b) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

### 4.2. Về điều kiện ngoại ngữ

Thí sinh có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Thí sinh đáp ứng điều kiện ngoại ngữ khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

b) Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Nội vụ Hà Nội (trước ngày 01/01/2023) cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại *Phụ lục 01* của Thông báo này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển;





d) Thí sinh là người nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

Đối với các thí sinh chưa đáp ứng điều kiện ngoại ngữ có thể đăng ký tham dự kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) đầu vào do Học viện tổ chức.

4.3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức khiển trách trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, thi hành quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

4.4. Về điều kiện sức khỏe: Có đủ sức khỏe để học tập.

## **5. Tiêu chí xét tuyển**

Hội đồng tuyển sinh tổ chức đánh giá hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh theo các tiêu chí sau:

- Hồ sơ tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên);
- Công bố nghiên cứu khoa học (nếu có);
- Kinh nghiệm công tác (nếu có);
- Ưu tiên (nếu có).

Hội đồng tuyển sinh quy định thang điểm cụ thể của từng tiêu chí trên Phiếu đánh giá hồ sơ dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ của thí sinh.

## **6. Phương thức xét tuyển**

### **6.1. Xét tuyển thẳng:**

a) Thí sinh tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành phù hợp có cùng tên và cùng 6 chữ số cuối của mã ngành theo Danh mục thống kê ngành đào tạo với ngành đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ; đáp ứng các yêu cầu tại Mục 4 của Thông báo này và đạt một trong các điều kiện sau được đăng ký xét tuyển thẳng:

- Tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên trong vòng 10 năm tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự tuyển;
- Tốt nghiệp loại khá trở lên trong vòng 05 năm và đáp ứng một trong các điều kiện sau: Đạt giải thưởng trong các cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học từ cấp Học viện/Trường trở lên; là tác giả của tối thiểu 01 ấn phẩm khoa học trong vòng 5 năm được công bố tại các nhà xuất bản, tạp chí có mã số chuẩn quốc tế ISSN hoặc tích lũy được tối thiểu 03 tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ của Học viện.

b) Thí sinh không trúng tuyển theo diện xét tuyển thẳng được chuyển hồ sơ sang phương thức tuyển sinh khác trong cùng kỳ tuyển sinh (nếu thí sinh có

nguyện vọng).

## 6.2. Xét tuyển thông thường

Thí sinh đáp ứng các yêu cầu tại Mục 4 của Thông báo này.

Thí sinh đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu cần đáp ứng một trong các điều kiện về văn bằng đại học như sau:

- Tốt nghiệp đại học ngành phù hợp từ loại khá trở lên;
- Tốt nghiệp đại học ngành phù hợp hạng trung bình hoặc trung bình khá phải đáp ứng được một trong các điều kiện sau:

+ Có bài báo khoa học liên quan đến ngành đăng ký dự tuyển đăng trên Tạp chí khoa học có chỉ số ISSN trong nước hoặc nước ngoài;

+ Có báo cáo khoa học liên quan đến ngành đăng ký dự tuyển đăng trên Kỷ yếu (có phản biện) của hội nghị, hội thảo khoa học trong nước hoặc quốc tế;

+ Có đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành đăng ký dự tuyển;

+ Có sách tham khảo, chuyên khảo;

+ Có giải thưởng nghiên cứu khoa học từ cấp Học viện/Trường trở lên.

## 7. Tổ chức học bổ sung kiến thức và đánh giá năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) đầu vào

7.1. Danh mục ngành phù hợp, quy định trường hợp được miễn và trường hợp phải học bổ sung kiến thức chương trình đào tạo đại học do Giám đốc Học viện quyết định và được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Học viện Hành chính Quốc gia: <https://www1.napa.vn>

### 7.2. Thời gian, địa điểm, học phí và hình thức học bổ sung kiến thức

- Thời gian: Học ngoài giờ hành chính vào các tối từ thứ Hai đến thứ Sáu và các ngày thứ Bảy, Chủ nhật.

- Hình thức học: Theo hình thức trực tuyến; Thi kết thúc học phần tại Học viện và các Phân viện trực thuộc Học viện.

- Học phí đối với chương trình bổ sung kiến thức theo hình thức trực tuyến: mức thu 400.000 đồng/tín chỉ.

| TT | Ngành                             | Thời gian học (dự kiến) | Thời hạn đăng ký     |
|----|-----------------------------------|-------------------------|----------------------|
| 1. | Quản lý công                      | Từ ngày 15/7-13/8/2023  | Trước ngày 10/7/2023 |
| 2. | Chính sách công                   | Từ ngày 15/7-13/8/2023  | Trước ngày 10/7/2023 |
| 3. | Quản lý văn hoá                   | Từ ngày 15/7-13/8/2023  | Trước ngày 10/7/2023 |
| 4. | Luật hiến pháp và luật hành chính | Từ ngày 15/7-13/8/2023  | Trước ngày 10/7/2023 |
| 5. | Quản lý kinh tế                   | Từ ngày 22/7-13/8/2023  | Trước ngày 17/7/2023 |
| 6. | Tài chính - Ngân hàng             | Từ ngày 22/7-13/8/2023  | Trước ngày 17/7/2023 |
| 7. | Lưu trữ học                       | Từ ngày 22/7-13/8/2023  | Trước ngày 17/7/2023 |



**Thông tin liên hệ:**

- Tại Hà Nội: (024)3.773.4061; 0977.545.248; 0961.880.999;
- Tại Huế: 0988.012.052; 0941.117.789;
- Tại TP. Hồ Chí Minh: 0988.272.767; 0943.955.288;
- Tại Tây Nguyên: 0977.883.347; 0914.268.304.

Thí sinh phải học bổ sung kiến thức đăng ký theo đường link sau:

<https://tinyurl.com/dangkybskt2023>

7.3. Tổ chức đánh giá năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) đầu vào cho các thí sinh chưa đáp ứng điều kiện ngoại ngữ:

- Thời gian tổ chức đánh giá dự kiến: Từ ngày 21/8/2023 đến ngày 28/8/2023. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, bồi dưỡng sẽ có thông báo cụ thể về thời gian tổ chức đánh giá năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) đầu vào.

- Thí sinh có nguyện vọng ôn thi ngoại ngữ (tiếng Anh) đăng ký trước ngày 11/8/2023; điện thoại liên hệ: 0984.678.430.

**8. Đối tượng và chính sách ưu tiên:**

8.1. Đối tượng ưu tiên: Quy định cụ thể tại *Phụ lục 02* của Thông báo này.

8.2. Chính sách ưu tiên:

- Người dự tuyển thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng một đối tượng ưu tiên cao nhất;

- Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên thuộc nhóm ưu tiên 1 được cộng 15 điểm (thang điểm 100) vào điểm hồ sơ xét tuyển.

- Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên thuộc nhóm ưu tiên 2 được cộng 05 điểm (thang điểm 100) vào điểm hồ sơ xét tuyển.

**9. Hồ sơ dự tuyển**

9.1. Thí sinh nộp hồ sơ dự tuyển theo danh mục sau:

a) Đơn đăng ký dự tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ (theo mẫu);

b) Sơ yếu lý lịch (theo mẫu);

c) Bản chứng thực hợp pháp các giấy tờ sau:

- Bảng tốt nghiệp đại học; Bảng điểm;

- Văn bằng/chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định tại Mục 4.2 của Thông báo này;

- Chứng chỉ hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức (nếu có);

- Giấy tờ ưu tiên (nếu có).

d) Bản sao công trình nghiên cứu khoa học;

đ) Xác nhận của thủ trưởng cơ quan quản lý nhân sự về kinh nghiệm công tác hoặc bản sao hợp lệ quyết định tuyển dụng/bổ nhiệm (để xác nhận về kinh nghiệm công tác, quản lý);

e) Giấy khám sức khỏe của Bệnh viện đa khoa cấp huyện trở lên (trong thời hạn 06 tháng);

g) Bốn ảnh 3x4 có ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh mặt sau từng ảnh;

h) 02 phong bì có dán tem và ghi rõ địa chỉ người nhận (để gửi giấy báo);

i) Minh chứng về hoàn thành lệ phí tuyển sinh đợt 1 năm 2023.

Lưu ý: Thí sinh nộp 01 bộ hồ sơ gốc và 03 bộ hồ sơ photo gồm các giấy tờ theo thứ tự từ điểm a) đến điểm đ) của Mục 9.1. Học viện chỉ nhận hồ sơ có đầy đủ các giấy tờ trên, hồ sơ đã nộp không được trả lại.

## 9.2. Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ:

Thí sinh đăng ký dự tuyển theo hình thức trực tuyến qua đường link <https://tinyurl.com/dangkydutuyenthacsi> đồng thời hoàn thành hồ sơ theo danh mục quy định (tại mục 9.1) và nộp hồ sơ trực tiếp trong giờ hành chính hoặc gửi qua đường bưu điện theo địa chỉ:

- Tại Hà Nội: Phòng 106 Nhà B - Bộ phận một cửa và tuyển sinh, Học viện Hành chính Quốc gia, số 77, đường Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Điện thoại liên hệ: (024)3.773.4061; 0977.545.248; 0961.880.999;

- Tại Huế: Phòng A205 - Phòng Quản lý đào tạo và Công tác sinh viên, Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia khu vực Miền Trung, số 201, đường Phan Bội Châu, phường Trường An, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Điện thoại liên hệ: 0988.012.052, 0941.117.789;

- Tại Tây Nguyên: Phòng Quản lý đào tạo và công tác sinh viên, Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia khu vực Tây Nguyên, số 02, đường Trương Quang Tuân, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Điện thoại liên hệ: (026)2.3896.969; 0914.268.304; 0977.883.347;

- Tại Tp. Hồ Chí Minh: Phòng 110 nhà A - Phòng Quản lý đào tạo và công tác sinh viên, Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia tại TP. Hồ Chí Minh, số 10 đường 3/2, Phường 12, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh. Điện thoại liên hệ: 0988.272.767; 0946.367.568; 0918.957.484.

Lưu ý: Thí sinh liên hệ trong giờ hành chính.

## 10. Lệ phí xét tuyển và học phí

10.1. Lệ phí xét tuyển: 200.000 đồng/hồ sơ;

Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển theo hình thức trực tiếp cùng hồ sơ hoặc theo hình thức chuyển khoản.

Số tài khoản: 0971008689999;

Tên tài khoản: Học viện Hành chính Quốc gia;

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Nam Hà Nội;



Nội dung chuyển khoản: [Họ và tên] – [Số điện thoại] – Nộp lệ phí tuyển sinh thạc sĩ đợt 1 năm 2023 ngành [Ngành đăng ký dự tuyển]

10.2. Học phí: Theo quy định của Học viện.

Kết quả tuyển sinh, danh sách thí sinh trúng tuyển; kế hoạch khai giảng khóa học và các thông tin có liên quan sẽ được niêm yết trên các bảng tin và cập nhật trên cổng thông tin tuyển sinh của Học viện Hành chính Quốc gia: <https://www1.napa.vn>

Thông báo này thay thế cho Thông báo số 1068/TB-HCQG ngày 09/6/2023 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia về tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2023./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Ban Giám đốc Học viện;
- Các Bộ, Ban, ngành, đoàn thể TW (Vụ TCCB);
- Các UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Trường Chính trị tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Viện Nghiên cứu, Học viện, trường Đại học, Cao đẳng;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty;
- Các Phân viện, đơn vị thuộc Học viện;
- Cổng thông tin tuyển sinh Học viện;
- Lưu VT, QLĐT (30 bản).

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Bá Chiến**



## PHỤ LỤC 01

## VĂN BẰNG CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ

(Kèm theo Thông báo số: 11/2023/TB-HCQG ngày 20 tháng 6 năm 2023 của  
Học viện Hành chính Quốc gia)

**1. Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ:**

| TT | Ngôn ngữ         | Chứng chỉ /Văn bằng                            | Trình độ/Thang điểm                                                      |                                                                |
|----|------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
|    |                  |                                                | Tương đương Bậc 3                                                        | Tương đương Bậc 4                                              |
| 1  | Tiếng Anh        | TOEFL iBT                                      | 30 – 45                                                                  | 46 – 93                                                        |
|    |                  | TOEFL ITP                                      | 450-499                                                                  |                                                                |
|    |                  | IELTS                                          | 4.0 – 5.0                                                                | 5.5 – 6.5                                                      |
|    |                  | Cambridge Assessment English                   | B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159 | B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179 |
|    |                  | TOEIC (4 kỹ năng)                              | Nghe: 275-399<br>Đọc: 275-384<br>Nói: 120-159<br>Viết: 120-149           | Nghe: 400-489<br>Đọc: 385-454<br>Nói: 160-179<br>Viết: 150-179 |
|    |                  | Aptis ESOL                                     | B1                                                                       | B2                                                             |
| 2  | Tiếng Pháp       | CIEP/Alliance française diplomas               | TCF: 300-399<br>Văn bằng DELF B1<br>Diplôme de Langue                    | TCF: 400-499<br>Văn bằng DELF B2<br>Diplôme de Langue          |
| 3  | Tiếng Đức        | Goethe – Institut                              | Goethe-Zertifikat B1                                                     | Goethe-Zertifikat B2                                           |
|    |                  | The German TestDaF language certificate        | TestDaF Bậc 3 (TDN 3)                                                    | TestDaF Bậc 4 (TDN 4)                                          |
| 4  | Tiếng Trung Quốc | Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)                    | HSK Bậc 3                                                                | HSK Bậc 4                                                      |
| 5  | Tiếng Nhật       | Japanese Language Proficiency Test (JLPT)      | N4                                                                       | N3                                                             |
| 6  | Tiếng Nga        | ТРКИ – Тест по русскому языку как иностранному | ТРКИ-1                                                                   | ТРКИ-2                                                         |



**2. Danh sách các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức thi tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**

1. Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh;
2. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế;
3. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội;
4. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng;
5. Đại học Thái Nguyên;
6. Trường Đại học Cần Thơ;
7. Trường Đại học Hà Nội;
8. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;
9. Trường Đại học Vinh;
10. Trường Đại học Sài Gòn;
11. Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh;
12. Trường Đại học Trà Vinh;
13. Trường Đại học Văn Lang;
14. Trường Đại học Quy Nhơn;
15. Trường Đại học Tây Nguyên;
16. Học viện An ninh Nhân dân;
17. Học viện Báo chí Tuyên truyền;
18. Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP. Hồ Chí Minh;
19. Trường Đại học Thương mại;
20. Học viện Khoa học Quân sự;
21. Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh;
22. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh;
23. Học viện Cảnh sát Nhân dân;
24. Đại học Bách Khoa Hà Nội;
25. Trường Đại học Nam Cần Thơ;
26. Trường Đại học Ngoại thương;
27. Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM.



*[Handwritten signature]*

**PHỤ LỤC 02**  
**ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN**

(Kèm theo Thông báo số : 11/2023/TB-HCQG ngày 20 tháng 6 năm 2023 của  
Học viện Hành chính Quốc gia)

**1. Nhóm ưu tiên 1 (UT1) gồm các đối tượng:**

a) Đối tượng 1: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú trên 18 tháng tại các xã khu vực I thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành được áp dụng trong thời gian đăng ký dự tuyển; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ (Thí sinh có minh chứng về điều kiện hưởng ưu tiên theo quy định);

b) Đối tượng 2: Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen (Thí sinh nộp Văn bản xác nhận của tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp);

c) Đối tượng 3: Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh" (Thí sinh nộp Giấy chứng nhận thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh);

Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; (Thí sinh nộp Giấy xác nhận của đơn vị, Quyết định cử đi học);

Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định". Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày dự tuyển hay ĐKXT (Thí sinh nộp Quyết định xuất ngũ).

d) Đối tượng 4: Thân nhân liệt sĩ (Thí sinh nộp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và Giấy khai sinh);

Con thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Con bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; Con của người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh" mà người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh" bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa



*Handwritten signature*



học đang hưởng trợ cấp hằng tháng"; Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;

(Thí sinh nộp Giấy chứng nhận, Quyết định của UBND cấp tỉnh về hưởng trợ cấp hằng tháng và Giấy khai sinh).

## **2. Nhóm ưu tiên 2 (UT2) gồm các đối tượng:**

a) Đối tượng 5: Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác; (Thí sinh nộp Quyết định cử đi học, Giấy xác nhận thời gian phục vụ);

Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; (Thí sinh nộp Quyết định bổ nhiệm);

b) Đối tượng 6: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 1 (Thí sinh nộp sổ Hộ khẩu gia đình hợp pháp);

Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%; (Thí sinh nộp Giấy chứng nhận, Quyết định của UBND cấp tỉnh về hưởng trợ cấp hằng tháng và Giấy khai sinh);

c) Đối tượng 7: Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện (Thí sinh nộp Giấy xác nhận);

Người lao động ưu tú thuộc tất cả các thành phần kinh tế được từ cấp tỉnh, Bộ trở lên công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc Huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (Thí sinh nộp Quyết định, Bằng/Huy hiệu)

